

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 12 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Ngọc Tú.

Bà Vũ Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1997. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Chị Hoàng Thị N, anh Triệu Văn T trước khi kết hôn có thời gian tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đến ngày 19-05-2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa

thuận, nhưng đến khoảng năm 2020 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Chị Hoàng Thị N đi làm Công ty ở Bắc Ninh, anh Triệu Văn T luôn nghi ngờ chị có người đàn ông khác và ghen tuông. Chị Hoàng Thị N không biết anh Triệu Văn T bắt đầu chơi cờ bạc từ bao giờ, anh Triệu Văn T báo tiền nợ về nhà, gia đình nhà chồng đã phải bán đất đi trả hết nợ cho anh, nhưng anh Triệu Văn T vẫn không thay đổi, tiếp tục lao vào con đường cờ bạc và nhiều lần lấy xe máy của chị Hoàng Thị N đi cầm lấy tiền thậm chí còn lừa bạn bè mượn xe đi cầm để lấy tiền chơi cờ bạc. Vì thương các con chị Hoàng Thị N và gia đình hai bên nội ngoại đã nhiều lần khuyên bảo, tha thứ anh nhưng anh vẫn không hề thay đổi.

Khoảng tháng 04 năm 2021, chị Hoàng Thị N đã về nhà ngoại tại Thôn Nhất Hà, xã Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn ở và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Từ khi về nhà ngoại, chị Hoàng Thị N vẫn thường xuyên về nhà chồng đón con về nhà ngoại chơi, nhưng do thấy chị thường xuyên đón con nên anh Triệu Văn T không cho đón, do không được gặp con chị có mua đồ mang cho các con thì anh Triệu Văn T ném đi và không lấy. Xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Triệu Văn T, chị Hoàng Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Triệu Khanh D, sinh ngày 04-03-2017 và Triệu Minh P, sinh ngày 30-01-2019. Khi ly hôn chị Hoàng Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Hoàng Thị N không yêu cầu anh Triệu Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện nuôi con hiện chị đang làm Công ty ở Bắc Ninh thu nhập trung bình khoảng 11.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, làm kíp bốn ngày thì nghỉ hai ngày nên vẫn đảm bảo thời gian chăm sóc con cái và bố mẹ chị vẫn còn sức khỏe có thể hỗ trợ giúp đỡ chị trong việc chăm sóc con khi chị Hoàng Thị N đi làm. Từ trước tới nay, việc chăm sóc con chung đều do chị Hoàng Thị N và ông bà nội phụ giúp trông, đưa đón cháu đi học, còn toàn bộ tiền học của các con, tiền sữa đều do chị Hoàng Thị N đóng, anh Triệu Văn T không giúp đỡ chị trong việc chăm sóc con cái và cũng không đi làm kiếm tiền phụ giúp gì vợ.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn anh Triệu Văn T không hợp tác, không có văn bản trình bày ý kiến. Ngày 24-12-2021, Tòa án nhân dân huyện nhận được 01 Đơn đề nghị nhường quyền nuôi con, 01 bảng sao kê tài khoản tại Ngân hàng cùng 01 bản Hợp đồng lao động của anh Triệu Văn T. Phiên tòa hôm nay anh T có mặt, anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, anh yêu cầu được đoàn tụ, nhưng nếu chị Hoàng Thị N vẫn khẳng định yêu cầu Tòa án giải quyết anh cũng nhất trí ly hôn và anh yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tới tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng

nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn thời gian đầu không hợp tác, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa hôm nay mới có mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về hôn nhân, xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Triệu Văn T. Về nuôi con: Xử, giao cháu Triệu Khanh D, sinh ngày 04-03-2017 cho anh Triệu Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục tới tuổi trưởng thành; giao cháu Triệu Minh P, sinh ngày 30-01-2019 cho chị Hoàng Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; không ai phải cấp dưỡng, nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu. Về nợ chung: Không có. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và được quyền nuôi con khi ly hôn vì vậy xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Triệu Văn T hiện có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Triệu Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn tố tụng theo quy định của pháp luật, phiên tòa lần thứ hai anh Triệu Văn T có mặt. Xét thấy việc vắng mặt của nguyên đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N và anh Triệu Văn T, đăng ký kết hôn ngày 19-5-2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình hôn nhân tồn tại cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng lẫn nhau; từ tháng 04 năm 2021 đến nay

vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, người nào chỉ biết bốn phận của người đó. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với các biên bản xác minh của Tòa án. Anh Triệu Văn T có mặt tại phiên tòa cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, mâu thuẫn như chị N trình bày là không đúng, nhưng nếu chị N vẫn khẳng định yêu cầu giải quyết ly hôn anh cũng nhất trí. Do chị N không có mặt tại phiên tòa nên không thể công nhận được thỏa thuận ly hôn giữa các đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu giải quyết nuôi con chung khi ly hôn: Chị Hoàng Thị N và anh Triệu Văn T có 02 người con chung là Triệu Khanh D, sinh ngày 04-03-2017 và Triệu Minh P, sinh ngày 30-01-2019. Tại bản khai, biên bản lấy lời khai chị Hoàng Thị N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tới tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Triệu Văn T phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án anh Triệu Văn T không hợp tác, tại phiên tòa hôm nay anh Triệu Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: Từ khi vợ chồng ly thân, thời gian này hai con chung đang ở với ông bà nội, anh Triệu Văn T và chị Hoàng Thị N đều phải đi làm để kiếm thêm thu nhập nuôi sống bản thân và nuôi các con; việc đưa đón đi học, chăm sóc hàng ngày thời gian chưa ly hôn là do ông bà nội thực hiện. Xét điều kiện thực tế giữa hai bên thấy: Chị Hoàng Thị N cung cấp Hợp đồng lao động, bảng lương 3 tháng liền kề cho thấy mức thu nhập bình quân 12.700.000 đồng/tháng, làm kíp bốn ngày thì nghỉ hai ngày, xác minh mẹ đẻ chị N cho biết sẽ hỗ trợ giúp đỡ chị trong việc chăm sóc cháu khi chị Hoàng Thị N đi làm. Về phía bị đơn anh T cung cấp Đơn thể hiện mức lương thu nhập 8.000.000 đồng/tháng đến 10.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên tại Hợp đồng lao động 24 tháng thể hiện mức lương chính 4.900.000 đồng/tháng, tiền nhà ở 500.000 đồng/tháng, tiền xăng xe 300.000 đồng/tháng, tiền chuyên cần 300.000 đồng/tháng, tổng mức thu nhập của anh T 6.000.000 đồng/tháng, xác minh bà Hoàng Thị S (mẹ đẻ anh T) cho biết khi ly hôn đề nghị Tòa án xử cho con trai được nuôi cả hai cháu, Triệu Văn T đi làm vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ để chăm sóc con cái, ông bà vẫn có sức khỏe để hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc các cháu. Biên bản xác minh giáo viên chủ nhiệm của hai con cho biết: Tiền học phí đóng theo hàng năm của hai cháu là do mẹ nộp thông qua chuyển khoản, tiền ăn, bán trú cũng do mẹ các cháu chuyển khoản (có tháng 9, 10 là do ông nội đóng). Xét về điều kiện kinh tế thì mức thu nhập của chị N cao hơn anh T, tuy nhiên hiện nay cả hai anh chị đều đi làm, các con còn nhỏ ở với ông bà, hơn nữa ông bà nội, ngoại có ý kiến hỗ trợ các con để chăm sóc các cháu. Hiện tại cháu Triệu Minh P, sinh ngày 30-01-2019 (chưa đủ 36 tháng tuổi), theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Từ những nội dung phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho mỗi người nuôi một

con là phù hợp với việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ăn ở, sinh hoạt và mức thu nhập của mỗi người để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu phát triển, trưởng thành. Giao cháu Triệu Khanh D, sinh ngày 04-03-2017 cho anh Triệu Văn T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tới tuổi trưởng thành và giao cháu Triệu Minh P, sinh ngày 30-01-2019 cho chị Hoàng Thị N được quyền chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục tới tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp đủ số tiền án phí.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 các Điều 227; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Triệu Văn T.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Triệu Minh P, sinh ngày 30-01-2019 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Triệu Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Triệu Khanh D, sinh ngày 04-03-2017 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp đủ 300.000 đồng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004012 ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Triệu Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Hoàng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thúy Huyền